TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2025
"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nhi

2. Ông Phạm Văn Biên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Nên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 25/2025/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXX - HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST – HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bàn Mùi D,** sinh năm 2004

Số căn cước công dân: 0043040037559, nơi cấp: Cục Trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, cấp ngày 13/02/2022

ĐKHK: KDC P, phường K, thành phố Hải Phòng (địa chỉ cũ: KDC P, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương).

Chỗ ở hiện nay: Phố B, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Có mặt

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức K**, sinh năm 1999

Số căn cước: 030099005991, nơi cấp: Bộ C cấp ngày 09/01/2025

ĐKHK và trú tại: KDC P, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bàn Mùi D trình bày:

Chị Bàn M Diễn người ở C, H, Cao Bằng xuống K làm việc ở Công ty V ở H

làm ăn. Do là người ở xa, không có họ hàng người thân, khi gặp anh Nguyễn Đức K cả hai đã đi đến hôn nhân và được ký kết hôn tại UBND phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương (nay là phường K, thành phố Hải Phòng) vào ngày 09 tháng 02 năm 2023. Sau khi kết hôn, anh K ham chơi và có hành vi bạo lực với chị, khi chị sinh con chung cháu Nguyễn Thị Yến N, anh K không quan tâm đến gia đình. Tến nguyên đán năm 2025, chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ của chị ở Cao Bằng chơi tết, anh K đến tận nhà bố mẹ đẻ của chị xúc phạm chị dẫn đến chị không quay về sống cùng anh K nữa, từ đó anh K đưa con về chăm sóc nuôi dưỡng, còn chị thuê nhà trọ ở ngoài sinh sống. Nay chị xác định tình cảm giữ chị và anh K không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

- Về nuôi dưỡng con chung: Chị và anh K có một con chung cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 30/6/2023. Tháng 2/2025, từ thời điểm mâu thuẫn vợ chồng, anh K là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Yến N. Về chỗ ở và điều kiện, nuôi dưỡng con chung của anh K hiện nay được đảm bảo. Bản thân chị hiện kinh tế gặp khó khăn, chỗ trọ không cố định. Điều kiện nuôi dưỡng hiện nay của anh K tốt hơn rất nhiều so với chị nên chị để nghị Tòa án giao con chung cháu Nguyễn Thị Yến N cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tùy vào điều kiện kinh tế chị sẽ cấp dưỡng sau theo khả năng của chị.

- Về tài sản chung, vay nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đức K đã Tòa án triệu tập và giao các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, anh K đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành xác minh về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D, anh K thì được ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị Bích L là bố mẹ đẻ của anh K cung cấp:

Anh K, chị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thị xã K vào ngày 09/02/2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh K, chị D sống cùng với vợ chồng ông tại P, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống vợ chồng anh K, chị D xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do nghiện game online. Đến tháng 2/2025, mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng, chị D đã bỏ nhà đi và không còn sống cùng anh K nữa. Nay, chị D xin ly hôn, ông có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh K, chị D có 01 con chung Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 30/6/2023, hiện con chung do anh K nuôi dưỡng. Trường hợp anh K,

chị D ly hôn, ông đề nghị Tòa án giao con cho anh K chăm sóc nôi dưỡng, vợ chồng ông có trách nhiệm hỗ trợ anh K chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Bàn M Diển xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh K không còn, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh K. Về nuôi dưỡng con chung chị D có quan điểm về điều kiện nuôi dưỡng hiện nay của anh K tốt hơn rất nhiều so với chị, bản thân chị hiện công việc và thu nhập không ổn định, chỗ ở không phải ở trọ cùng bạn bè, không có người thân, tiền ăn, ở sinh hoạt hàng ngày còn gặp khó khăn, gia đình chị ở miền núi, không có điều kiện cho con chung học tập. Chị D đề nghị HĐXX giao con chung cháu Nguyễn Thị Yến N cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu. Về cấp dưỡng nuôi con hiện điều kiện kinh tế của chị gặp khó khăn trong việc chị phí nhà trọ và tiền ăn sinh hoạt hàng ngày, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng theo khả năng và trách nhiệm của một người mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên về thu thập tài liệu chứng cứ là chưa đầy đủ, đề nghị ngừng phiên tòa để thu thập tại liệu chứng cứ. Do vậy, Viện kiểm sát không phát biểu quan điểm về đường lối giải quyết của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn là anh K cư trú tại phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương (nay phường K, thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng. Chị D có mặt tại phiên tòa, bị đơn anh K vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do vậy, HĐXX xét xử vắng mặt anh K là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự

Đối với quan điểm của Kiểm sát viên về việc Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ chưa đầy đủ và đề nghị Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung tài liệu chứng cứ: Trong đó có yêu cầu xác minh anh K đang làm nghề gì? Thu nhập hàng tháng như thế nào? Quan điểm về việc cấp dưỡng nuôi con?...Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt

hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho bị đơn anh K, trong đó có những lần Tòa án gửi bằng hình thức bảo đảm và được thể hiện bị đơn anh K đã được nhận các văn bản tố tụng, cũng như trực tiếp tống đạt, trực tiếp xác minh tại gia đình anh K. Tuy nhiên, bị đơn anh K đều không có quan điểm, việc ngừng phiên tòa thu thập nội dung yêu cầu là không có hiệu quả. Đánh giá tài liệu chứng cứ thu thập, diễn biến tại phiên tòa thì tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ giải quyết đối với vụ án. Do vậy, yêu cầu ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ bổ sung tài liệu chứng cứ là không cần thiết nên không được Hội đồng chấp nhận.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bàn Mùi D và anh K kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương (nay là phường K, thành phố Hải Phòng) vào ngày 09/02/2023 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ đã thu thập trong quá trình giải quyết vụ án thì thấy: về nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian mâu thuẫn và thời điểm chấm dứt về quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị D, anh K là phù hợp lời trình bày nguyên đơn, kết quả xác minh thu thập chứng cứ của người thân anh K là ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị Bích L trình bày. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh K đã được Tòa án triệu tập, giao các văn bản tố tụng tuy nhiên anh K đều vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án làm việc, không trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thể hiện ý thức bỏ mặc, không mong muốn đoàn tụ. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh K. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh K đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị D, xử cho chị D được ly hôn anh K là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng, phù hợp với khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị D và anh K có 01 con chung cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 30/6/2023. Hiện cháu N do anh K chăm sóc, nuôi dưỡng. Chỉ Diển có quan điểm, chị là người Cao Bằng khu vực miền núi, điều kiện kinh tế, chỗ ở gặp khó khăn nên chị không về quên sinh sống với bố, mẹ đẻ của chị. Bản thân chị hiện nay chỗ ở không có phải đi thuê trọ, không có người thân, công việc không ổn định, thu nhập thấp trang trải cuộc sống cho bản thân còn gặp khó khăn. Điều kiện nuôi dưỡng hiện nay của anh K đối với con chung Nguyễn Thị Yến N tốt hơn rất nhiều so với chị nên chị để nghị Tòa án giao con chung cháu Nguyễn Thị Yến N cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình giải

quyết vụ án, kết quả xác minh về điều kiện nuôi dưỡng con chung của anh K thì ông H, bà L bố mẹ đẻ anh K cung cấp: con chung của chị D, anh H1 là cháu Nguyễn Thị Yến N hiện đang được anh K chăm sóc, nuôi dưỡng. Trường hợp anh K, chị D ly hôn, ông đề nghị Tòa án giao con cho anh K chăm sóc nuôi dưỡng, vợ chồng ông có trách nhiệm hỗ trợ anh K chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ thu thập, Hội đồng xét xử xét thấy về chỗ ở, điều kiện nuôi dưỡng hiện nay đối với con chung của anh K đối với cháu Yến N tốt hơn so với chị D. Do vậy, để ổn định chỗ ở, cũng quyền lợi mọi mặt của con chung cần thiết giao cho anh K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Nguyễn Thị Yến N là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa nguyên đơn chị D trình bày hiện công việc và thu nhập của chị không ổn định, hiện tiền thuê nhà trọ, tiền ăn sinh hoạt cho bản thân gặp khó khăn. Chị D có quan điểm, chị sẽ cấp dưỡng theo khả năng và trách nhiệm của một người mẹ, hiện chị chưa có khả năng cấp dưỡng ở mức cố định. Quá trình giải quyết vụ án, anh K không có quan điểm, yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Trên cở sở như nhận định đánh giá tại mục [4] và xét hỏi công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy việc nuôi dưỡng con chung cháu Yến N được đảm bảo, anh K không có quan điểm và yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con chung, trường hợp sau này anh K có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con chung sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác.

[7] Về tài sản chung, vay nợ chung: Nguyên đơn chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Bị đơn anh K không có quan điểm, yêu cầu giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì chị D phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ**: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- **Căn cứ:** Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Căn cứ**: điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2010 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Bàn M Diển được ly hôn anh Nguyễn Đức K.

- *Về nuôi dưỡng con chung:* Giao cho anh Nguyễn Đức K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 30/6/2023. Thời gian giao nuôi dưỡng con chung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

- *Về tài sản chung, vay nợ chung*: Nguyên đơn chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Bị đơn anh K không có quan điểm, yêu cầu giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

2. Về án phí: Chị Bàn Mùi D phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0007168 ngày 14/2/2025. Chị D đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn chị D và vắng mặt bị đơn anh K. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoạc ngày bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKS khu vực 10 – Hải Phòng;
- Thi hành án DS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Kinh Môn, T.P Hải Phòng (theo GCNKH số 07 ngày 09/02/2023);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;.